

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gầm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị Tr có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Tr trình bày:

Chị và anh Võ Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2008. Trong quá trình chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đánh nhau, hiện tại anh T đang chung sống với người phụ nữ khác. Dần dần, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng tăng, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, gia đình không còn hạnh phúc. Hiện nay, giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh T có 03 con chung là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/10/2008, Võ Đăng K, sinh ngày 29/5/2017 và Võ Thanh P, sinh ngày 08/11/2019 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc Tr. Chị Tr được ly hôn với anh Võ Thanh T. Giao con chung là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/10/2008, Võ Đăng K, sinh ngày 29/5/2017 và Võ Thanh P, sinh ngày 08/11/2019 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Tr có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Tr và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2008. Chị Tr cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Không những vậy, hiện tại anh T đang chung sống với người phụ nữ khác. Đối với anh T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh T. Đồng thời, Tòa án cũng không tổ chức được phiên hòa giải để động viên chị Tr và anh T đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, chị Tr đã khẳng định mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”*. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị Tr và anh T đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện trong cuộc sống hôn nhân của chị Tr và anh T cũng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh T không chăm lo cho gia đình, anh chị đã ly thân từ lâu, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn cùng nhau chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

[3] Về con chung: Giữa chị Tr và anh T có 03 con là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/10/2008, Võ Đăng K, sinh ngày 29/5/2017 và Võ Thanh P, sinh ngày 08/11/2019, hiện đang sống với chị Tr. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 03

con, yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện tại chị Tr đang nuôi 03 con, đồng thời sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Võ Thị Quỳnh N có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của các con nên cần giao 03 con cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Chị Tr là người trực tiếp nuôi 03 con, do đó, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị Tr về việc buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc Tr. Chị Võ Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Võ Thanh T.

Về con chung: Giao cháu là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/10/2008, Võ Đăng K, sinh ngày 29/5/2017 và Võ Thanh P, sinh ngày 08/11/2019 cho chị Trâm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu K và cháu P 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi 03 con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/6/2023.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Tr phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003210 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B,
huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm

